TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2023/DS-PT
Ngày 27/4/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố BT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 721/2023/QĐPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1975;

Cư trú tại: Số nhà 117/3B, ấp B, xã A, thành phố BT, Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Dư Lý P2, sinh năm 1957;

Cư trú tại: Số nhà 165D, Khu phố I, Phường X, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của của bị đơn là:* Ông Phạm Đức H, sinh năm 1958, cư trú tại: Số nhà 165D, Khu phố I, Phường X, thành phố BT, Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Diệu L, sinh năm 1984;

2. Ông Phạm Đức H, sinh năm 1958;

Cùng cư trú tại: Số nhà 165D, Khu phố I, Phường X, thành phố BT, Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Lê Thị Diệu L là: Ông Phạm Đức H.

3. Ban Quản lý Chợ Thành phố BT;

Địa chỉ: Khu B, Tầng Lầu Chợ Thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật của Ban Quản lý Chợ Thành phố BT: Ông Nguyễn Viết C; chức vụ: Trưởng ban quản lý Chợ Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Viết C là: Ông Nguyễn Văn P4; chức vụ: Quyền đội trưởng Chợ đầu mối nông thủy sản Phường X, thành phố BT.

Ông Võ Văn P4 có đơn yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

4. Bà Phan Nguyệt N, sinh năm 1954;

Cư trú tại: Số nhà 345D, Khu phố I, Phường X, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng do bị đơn triệu tập:* Ông Dư Thế M, sinh năm 1966, cư trú tại: Ấp 1 (P), xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Dư Lý P2 là bị đơn, ông Phạm Đức H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc T trình bày:

Năm 2006, bà T có thuê của Ban quản lý Chợ Thành phố BT một quầy hàng số 2 tại Chợ đầu mối nông thủy sản Phường X, có diện tích khoảng 20m^2, hợp đồng thuê được ký hàng năm vào ngày 01/01 đến ngày 31/12. Khi ký hợp đồng thì bà Tcó nộp tiền thế chân cho Ban quản lý Chợ thành phố BT số tiền 5.000.000 đồng. Do lúc này bà Ngọc T có khó khăn nên được chị Lê Thị T1 (Trưởng Ban quản lý Chợ đầu mối vào năm 2006) cho mượn số tiền 5.000.000 đồng để nộp cho Ban quản lý chợ thành phố BT. Sau khi thuê quầy này thì chị T cùng chị chồng là Dư Lý P2 và dì chồng là Phan Nguyệt N cùng kinh doanh.

Trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2011 toàn bộ các chi phí, tiền thuê mặt bằng do bà Ngọc T đóng. Đến năm 2011, do mở rộng việc kinh doanh của chị Tmà mặt bằng thì quá chật và do đặc thù mặt hàng chị T bán là tự sản xuất

và giao hàng theo đơn đặt hàng của khách nên bà T mới dọn vào nhà bên chồng để kinh doanh để lại mặt bằng cho bà P2 và bà N buôn bán cho rộng; lúc này có thỏa thuận bà P2 và bà N mỗi người đưa cho bà T2.500.000 đồng và hàng tháng thì bà T thu tiền của bà P2 và bà N để đóng cho Ban quản lý chợ đầu mối Phường X. Năm 2013, vợ chồng bà T ly hôn thì bà Tcó yêu cầu bà P2 và bà N trả lại quầy số 2 để cho bà T kinh doanh nhưng bà P2 và bà N năn nỉ nên bà Tcũng chưa có kiên quyết lấy lại. Đến năm 2015, bà N không cùng buôn bán với bà P2 lúc này chỉ còn một mình bà P2 buôn bán và khi bà N đi thì bà P2 có đưa cho bà N số tiền kê chân là 2.500.000 đồng.

Năm 2020, bà P2 không buôn bán tại quầy số 02 mà để lại cho con dâu Lê Thị Diệu L buôn bán; thời gian này bà T cũng yêu cầu lấy lại quầy thì bà P2 năn nỉ, đến nay do con bà T đã lớn nên bà T lấy lại quầy số 2 này để trực tiếp kinh doanh có tiền lo cho con ăn học. Từ tháng 8/2022 cho đến nay bà T trực tiếp đóng tiền thuê cho Ban quản Chợ Thành phố BT mỗi tháng số tiền 2.482.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H, bà Lê Thị Diệu L phải trả lại cho bà quầy hàng số 2 tại Chợ đầu mối nông thủy sản Phường X, chiều ngang 4m, chiều dài khoảng 5m, tổng diện tích là 19,60m^2 và tiền thuê mỗi tháng 2.482.000 đồng kể từ tháng 8 đến tháng 12/2022 mà bà T đã nộp cho Ban quản ký chợ khi bà P2, ông H, bà L sử dụng quầy để buôn bán. Bà Tđồng ý trả lại số tiền kê chân là 5.000.000 đồng cho bà P2, ông H.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Dư Lý P2 và người đại diện theo uỷ quyền của bà P2 đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức H trình bày:

Bà Dư Lý P2 và ông Phạm Đức H là vợ chồng; còn bà Ngọc T là em dâu của bà P2. Năm 2006, gia đình ông H, bà P2 có thoả thuận nhờ bà Tđứng thuê dùm quầy số 2 cho bà P2 buôn bán tại Chợ đầu mối nông thủy sản Phường X với lý do bà T đang làm việc nên dễ xin đăng ký thuê quầy hơn bà P2. Khi bà Tký hợp đồng với Ban quản lý Chợ thành phố BT thì bà P2 có đưa cho bà T 5.000.000 đồng để đóng tiền thế chân; việc bà T nói mượn 5.000.000 đồng của chị T1 để đóng tiền thế chân là không đúng sự thật. Sau khi ký hợp đồng với Ban quản lý Chợ thành phố BT thì vợ chồng bà T có ra bán nước khoảng 01 tháng thì nghỉ bán. Sau đó bà P2, ông H và bà N có cùng buôn bán chung; đến khoảng năm 2008 thì bà N nghỉ bán thì bà P2 có trả lại cho bà N số tiền kê chân là 2.500.000 đồng. Vợ chồng ông đóng tiền thuê hàng tháng cho Ban quản lý Chợ đầu mối Phường X từ năm 2006 cho đến tháng 7/2022, từ tháng 8/2022 thì bà Tgiành đóng tiền thuê cho đến nay. Do người thực tế thuê quầy hàng với Ban quản lý chợ để buôn bán là vợ chồng ông nên bà T có giao lại Biên lai nộp kê

chân 5.000.000 đồng cho vợ chồng ông giữ. Bà P2 không có giấy tờ để chứng minh đã nhờ bà Tđứng tên thuê quầy hàng số 2 vì khi đó chị em trong nhà chỉ nói miệng, chỉ có một số người bán gần biết việc này và họ đã có xác nhận và ông đã gửi cho Tòa án.

Nay bà Tkhởi kiện yêu cầu bà Dư Lý P2, Phạm Đức H, Lê Thị Diệu L trả quầy số 2 thì gia đình ông không đồng ý, vì quầy số 2 này là của bà P2 nhờ bà Tđứng tên dùm để thuê và bà P2 hiện đang kinh tế khó khăn nên bà P2 không đồng ý trả lại quầy hàng này và nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tthì yêu cầu bà Ttrả lại số tiền kê chân là 5.000.000 đồng; ông H, bà P2, chị L sẽ tự di dời mái hiên và tài sản đi nơi khác và không yêu cầu bồi thường trị giá mái hiên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên chị Lê Thị Diệu L trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H và không có trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc T đối với bị đơn bà Dư Lý P2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức H, chị Lê Thị Diệu L.

Buộc bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H, bà Lê Thị Diệu L có trách nhiệm di dời mái hiên khung thép, mái tole có chiều ngang 3,1m, chiều dài 2m, tổng diện tích là 6,2m^2 và những tài sản là động sản ra khỏi quầy Kios số 2, để trả lại quầy Kios số 2, có diện tích 19,60m^2 (ngang 5,25m, dài 14,35m), tại Chợ đầu mối nông sản Phường X, thành phố BT thuộc Ban quản lý Chợ thành phố BT, tỉnh Bến Tre cho bà Võ Thị Ngọc T quản lý, sử dụng theo hợp đồng thuê đã ký kết vào ngày 01/01/2022; bà T trả lại cho bà P2, ông H số tiền đặt cọc là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); đồng thời bà P2, ông H có trách nhiệm liên đới trả 05 tháng tiền thuê là 12.410.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng) cho bà T sau khi trừ ra 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền đặt cọc mà bà Ttrả lại cho bà P2, ông H thì số tiền còn lại ông H, bà P2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị Ngọc T là 7.410.000 đồng (bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Dư Lý P2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Toà án

cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Dư Lý P2 và ông Phạm Đức H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc T trình bày vào năm 2006 bà có ký hợp đồng thuê quầy (sạp) số 2, khu Kios, có diện tích 19,60m^2 tại Chợ đầu mối nông thủy sản Phường X với Ban quản lý chợ thành phố BT, khi ký hợp đồng thuê thì bà T có nộp thế chân số tiền 5.000.000 đồng cho Ban quản lý chợ thành phố BT, hàng năm hai bên phải ký lại hợp đồng thuê. Sau khi ký hợp đồng thuê quầy số 2 thì bà Tcó buôn bán mặt hàng ăn uống; bán được một thời gian thì giao lại cho chị chồng là Dư Lý P2 sử dụng, buôn bán. Hàng tháng gia đình bà P2 đóng tiền thuê cho Ban quản lý chợ đầu mối nông thủy sản Phường X. Do hiện bà T có nhu cầu lấy lại quầy số 2 để trực tiếp kinh doanh nên bà yêu cầu bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H, chị Lê Thị Diệu L trả lại quầy số 2 và trả lại số tiền thuê hàng tháng bà Tđã đóng cho Ban quản lý chợ khi bà P2 sử dụng quầy để buôn bán từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022. Phía bị đơn bà P2 cùng với ông H, chị L không đồng ý trả quầy số 2 cho bà T vì bà P2 nhờ bà Tđứng tên dùm trên hợp đồng để thuê quầy số 2 để gia đình bà P2 buôn bán từ năm 2006 cho đến tháng 1/2023.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thể hiện bà Võ Thị Ngọc Tcó ký kết hợp đồng thuê quầy số 2 tại Chợ đầu mối nông thủy sản Phường X của Ban quản lý chợ Thành phố BT từ năm 2006. Từ khi ký kết hợp đồng thuê năm 2006 thì giữa bà Tvới Ban quản ký chợ Thành phố BT đã nhiều lần ký mới hợp đồng và gia hạn hợp đồng thuê theo từng năm, tiền thuê sẽ được đóng hàng tháng cho Ban quản lý chợ. Năm 2007, bà P2, bà Phan Nguyệt

N cùng buôn bán tại quầy số 2, sau này thì chỉ còn bà P2 sử dụng quầy tiếp tục để kinh doanh đến nay.

Căn cứ vào hợp đồng thuê diện tích kinh doanh thể hiện quầy (sạp) số 2, có diện tích 19,60m^2 (ngang 5,25m, dài 14,35m) ngày 01/01/2022 giữa Ban quản lý Chợ Thành phố BT và bà Võ Thị Ngọc Thanh; thời hạn thuê là 01 năm kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022; quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cho rằng đã nhờ bà Tđứng tên dùm trên hợp đồng thuê diện tích kinh doanh với Ban quản lý chợ nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ, giấy tờ chứng minh có việc thoả thuận nhờ bà T đứng tên thuê quầy số 2 để bà P2 kinh doanh. Trong khi đó, người đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý Chợ thành phố BT cũng trình bày là từ năm 2006 đến năm 2022 thì Ban quản lý chợ thành phố BT chỉ có ký hợp đồng với bà Ngọc Tthuê quầy số 2 tại Chợ đầu mối nông sản Phường X, thành phố BT nên có căn cứ xác định bà Võ Thị Ngọc Tlà người đứng tên thuê diện tích quầy số 2 tại Chợ đầu mối phường X.

[3] Về quá trình quản lý, sử dụng quầy số 2 qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại Biên bản ngày 25/8/2022 của Ban quản lý chợ, ông Nguyễn Văn P4 là người thuộc Ban quản lý chợ đầu mối Phường X xác định năm 2006 khi bà Tký kết hợp đồng thuê diện tích quầy số 2 thì chỉ có bà Tlà người trực tiếp quản lý quầy kinh doanh mặt hàng ăn uống. Khoảng năm 2007 thì bà P2 là người trực tiếp kinh doanh tại quầy. Lời xác định này phù hợp với lời trình bày của bà Tvề việc bà tự kinh doanh quầy sau này có để lại cho bà P2, bà N kinh doanh. Từ đó, có căn cứ xác định bà T là người thuê quầy số 2 với Ban quản lý chợ, gia đình bà P2 cho rằng vì trở ngại thủ tục nên nhờ bà Tđứng tên đăng ký dùm là không có cơ sở; vì bà P2 không có quản ký kinh doanh quầy kể từ khi ký hợp đồng thuê với Ban quản lý chợ mà chỉ quản lý sử dụng khi Tkhông kinh doanh nữa và để lại cho gia đình bà P2 kinh doanh.

Phía bà P2 cho rằng bà là người nộp tiền thế chân quầy với số tiền 5.000.000 đồng để chứng minh bà là người thuê quầy số 2; tuy nhiên trong quá trình tố tụng, phía ông H, bà P2 cùng xác nhận bà P2 có đưa cho bà T2.500.000 đồng và bà N đưa cho bà T2.500.000 đồng như vậy, việc nộp tiền thế chân chỉ là số tiền tạm giữ tạm thời cho người trực tiếp quản lý, kinh doanh quầy hàng và sẽ được trả lại cho chủ kinh doanh khi nghỉ hẳn, trả lại mặt bằng và chỉ trả lại sau 03 năm kể từ ngày vào chợ. Khi bà P2, bà N sử dụng quầy của bà Tbán hàng thì việc ứng nộp tiền thế chân thay cho bà Tlà ý chí tự thoả thuận của các bên, không có ý nghĩa chứng minh người nộp tiền thế chân là người thuê thực tế quầy hàng với Ban quản lý chợ.

[4] Do vậy, căn cứ vào Hợp đồng thuê ngày 01/01/2022 và lời xác nhận của ông P4 là người đại diện theo uỷ quyền của bên cho thuê, lời trình bày của ông H đã có cơ sở xác định bà Võ Thị Ngọc T là bên đứng ra thuê Kios số 2; sau khi thuê bà T có cho chị chồng là bà Dư Lý P2 kinh doanh buôn bán thức ăn theo mục đích ghi trong hợp đồng thuê ngày 01/01/2022; nay bà Tcó nhu cầu lấy quầy số 2 lại để trực tiếp kinh doanh buôn bán nhưng gia đình bà P2, ông H không đồng ý trả; do đó kể từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022 bà Tlà người trực tiếp đứng ra đóng tiền thuê cho Ban quản lý Chợ thành phố BT mỗi tháng là 2.482.000đồng /tháng. Nay bà T yêu cầu bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H, bà Lê Thị Diệu L trả lại quầy số 2 tại Chợ đầu mối nông sản Phường X, thành phố BT là có căn cứ và phù hợp theo qui định tại các Điều 472, 473, 474, 476, 479, 480, 481, 482 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặc dù hiện nay, hợp đồng thuê giữa bà T với ban quản lý chợ đã hết hạn nhưng qua ý kiến của Ban quản lý Chợ là do quầy đang có tranh chấp chờ có kết quả giải quyết của Tòa án sẽ ký tiếp hợp đồng cho thuê, theo thông lệ của Ban quản lý chợ thì nếu không có tranh chấp gì thì Ban quản lý chợ sẽ ký tiếp hợp đồng với người thuê trước đây. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dư Lý P2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dư Lý P2;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 472, 473, 474, 476, 479, 480, 481, 482 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc T đối với bị đơn bà Dư Lý P2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức H về tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

Buộc bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H, bà Lê Thị Diệu L có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời mái hiên khung thép, mái tole có chiều ngang 3,1m, chiều dài 2m, tổng diện tích là 6,2m^2 và những tài sản là động sản ra khỏi quầy (sạp) số 2, khu Kios để trả lại quầy số 2, có diện tích 19,60m^2 (ngang 5,25m, dài 14,35m), tại Chợ đầu mối nông thủy sản Phường X, thành phố BT thuộc Ban quản lý chợ thành phố BT, tỉnh Bến Tre cho bà Võ Thị Ngọc T quản lý, sử dụng.

Buộc bà Võ Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả lại cho bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng);

Buộc bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H có trách nhiệm liên đới trả 05 (năm) tháng tiền thuê với số tiền là 12.410.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng) cho bà Võ Thị Ngọc Thanh.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

2. Chi phí thu thập chứng cứ là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) bà Dư Lý P2 và ông Phạm Đức H phải chịu. Do Võ Thị Ngọc T đã nộp tạm ứng xong nên bà P2, ông H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị Ngọc Tsố tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Ngọc T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009877 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dư Lý P2, ông Phạm Đức H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố BT;
- Chi cục THADS thành phố BT;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tòng